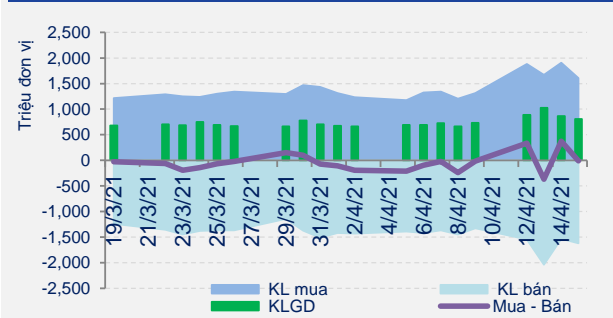
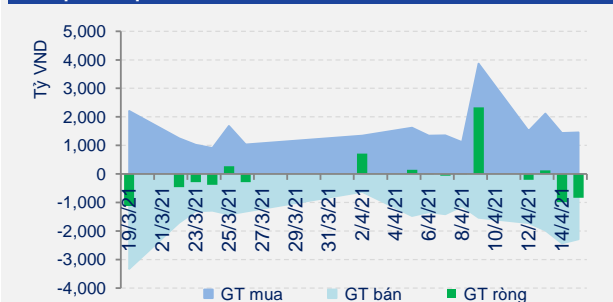


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 15/4/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,247.25	296.12
% Thay đổi	↓ -0.69%	↑ 0.44%
KLGD (CP)	806,491,436	172,040,681
GTGD (tỷ đồng)	20,645.53	3,220.25
Tổng cung (CP)	1,619,025,300	252,563,100
Tổng cầu (CP)	1,609,257,500	212,224,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	56,808,700	1,008,529
KL mua (CP)	33,296,400	539,390
GT mua (tỷ đồng)	1,459.47	9.80
GT bán (tỷ đồng)	2,288.94	23.05
GT ròng (tỷ đồng)	(829.47)	(13.25)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.30%	17.7	3.0	1.5%
Công nghiệp	↓ -0.91%	18.6	2.5	7.8%
Dầu khí	↓ -1.16%	-	2.0	2.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.70%	-	5.2	2.1%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.13%	15.7	2.4	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.56%	18.5	4.2	9.7%
Ngân hàng	↓ -1.30%	12.7	2.5	25.7%
Nguyên vật liệu	↑ 0.57%	18.0	2.4	18.1%
Tài chính	↓ -0.07%	21.5	3.5	29.3%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.93%	15.0	2.4	2.7%
VN - Index	↓ -0.69%	19.5	3.0	
HNX - Index	↑ 0.44%	18.9	3.9	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 8,62 điểm (-0,69%) xuống 1.247,25 điểm; HNX-Index tăng 1,29 điểm (+0,44%) lên 296,12 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 21.903 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 928 triệu cổ phiếu. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 255 mã tăng, 80 mã tham chiếu, 473 mã giảm. Thị trường tăng điểm trong phiên giao dịch sáng nhưng về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống sắc đỏ. Trong phiên ATC, lực bán tiếp tục áp đảo khiến chỉ số VN-Index kết phiên ở mức thấp nhất. Hàng loạt cổ phiếu thu hút dòng tiền mạnh thời gian qua đã chịu áp lực điều chỉnh như nhóm ngân hàng với ACB (-2,2%), CTG (-1,3%), BID (-2,2%), VCB (-1,2%), MBB (-2,1%), TCB (-2,2%), VPB (-0,2%)..., hay các cổ phiếu chứng khoán như VCI (-2,4%), SSI (-3,1%), HCM (-2,7%), SHS (-3,5%), VND (-2,7%), MBS (-2,7%)... Tương tự, nhóm bất động sản, xây dựng, dầu khí cũng chịu áp lực điều chỉnh với sắc đỏ chiếm ưu thế. Một số Bluechips như BVH (-2%), FPT (-1,2%), GAS (-0,6%), MSN (-0,7%), MWG (-1,3%), VNM (-0,2%), REE (-2,3%), PLX (-1,4%)... đều giảm đã ảnh hưởng không nhỏ tới tâm lý giới đầu tư. Ở chiều ngược lại, bộ đôi VIC (+0,6%), VHM (+0,7%) vẫn giữ vững đà tăng. Bên cạnh đó, EIB (+2,2%), PNJ (+0,5%), NVL (+2,4%) hay các cổ phiếu thép HPG (+2,8%), NKG (+2,6%), HSG (+5,3%), POM (+2,4%)... đều đóng cửa trong sắc xanh.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường lại suy yếu trong phiên đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30 tháng 4/2021 với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó cho thấy áp lực bán trong phiên hôm nay là thực sự mạnh. Việc VN-Index đóng cửa dưới ngưỡng 1.250 điểm cũng là một sự tiêu cực trên khía cạnh kỹ thuật. Do thị trường có thể đang bước vào giai đoạn chuyển giao giữa sóng tăng 5 và sóng điều chỉnh a nên xu hướng hiện tại có thể coi là trung tính và cần quan sát thêm diễn biến trong phiên cuối tuần để xác nhận. Theo đó, trong phiên giao dịch 16/4, VN-Index có thể sẽ giảm co và rung lắc quanh ngưỡng 1.250 điểm. Việc kết phiên trên hay dưới ngưỡng 1.250 điểm trong tuần này có thể sẽ là gợi ý cho xu hướng tuần tới. Nhà đầu tư trung hạn mua vào trước Tết trong các phiên 28/1-2/2 và nhà đầu tư ngắn hạn mua vào trong các phiên 24/3-26/3 đã chốt lời dần trong các phiên 12/4-14/4 nắm giữ danh mục còn lại và trailing stop với đường trung bình 20 ngày hiện quanh 1.215 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 15/4/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.265,87 điểm. Về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm dần xuống dưới ngưỡng tham chiếu. Trong phiên ATC, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 8,62 điểm (-0,69%) xuống 1.247,25 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 1.200 đồng, BCM giảm 3.800 đồng, BID giảm 950 đồng. Ở chiều ngược lại, HPG tăng 1.500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 297,224 điểm. Vào đầu phiên chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số nhúng nhẹ xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 294,149 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 1,29 điểm (+0,44%) lên 296,12 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 5.500 đồng, SHB tăng 300 đồng, KLF tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, SHS giảm 1.100 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 833,28 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 23,2 triệu cổ phiếu. VHM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 298,1 tỷ đồng tương ứng với 2,9 triệu cổ phiếu, tiếp theo là E1VFN30 với 111,7 tỷ đồng tương ứng với 5,2 triệu chứng chỉ quỹ. Ở chiều ngược lại, NVL là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 112,3 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 13,25 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 469 nghìn cổ phiếu. SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 10,3 tỷ đồng tương ứng với 331 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VND với 2,8 tỷ đồng tương ứng với 78 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DXP là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 929 triệu đồng tương ứng với 54,2 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Fitch Ratings: Tài chính công Việt Nam cải thiện vượt trội giữa Covid-19

Trong báo cáo mới công bố, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings nhận định lạc quan về tăng trưởng kinh tế và tài chính công của Việt Nam trong năm nay.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra trong phiên hôm nay là thực sự mạnh.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là kịch bản sóng Elliott với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% của sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% của sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement của 50% sóng tăng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm với target quanh ngưỡng 1.250 điểm đã đạt được trong nửa đầu tháng 4/2021.

Theo đó, sóng 5 có dấu hiệu của sự kết thúc khi chạm đến target 1.250 và thời gian dự kiến hoàn thành sóng trong nửa đầu tháng 4/2021 cũng đã hết nên sóng điều chỉnh a có thể tiếp diễn trong thời gian tới với target gần nhất 1.135 (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5).

Do thị trường có thể đang bước vào giai đoạn chuyển giao giữa sóng tăng 5 và sóng điều chỉnh a nên xu hướng hiện tại có thể coi là trung tính và cần quan sát thêm diễn biến trong tuần này để xác nhận. Trong phiên giao dịch tiếp theo 16/4, VN-Index có thể sẽ giằng co và rung lắc quanh ngưỡng 1.250 điểm. Việc kết phiên trên hay dưới ngưỡng 1.250 điểm trong tuần này có thể sẽ là dấu hiệu cho xu hướng tuần tới.

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.215 điểm (MA20) và xa hơn quanh 1.178 điểm (MA50). Hiện tại không phải là thời điểm thích hợp để mua mới mà chỉ thích hợp với hoạt động chốt lời dần hoặc nắm giữ, tùy theo kỳ vọng của các nhà đầu tư.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang

Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 54,9 - 55,25 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm giảm 17 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 15/4 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.200 VND/USD, giảm 17 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 11,05 USD/ounce tương ứng với 0,65% lên 1.747,3 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm

Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,092 điểm tương ứng 0,1% xuống 91,582 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1982 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3782 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 108,77 JPY.

Giá dầu thế giới giảm

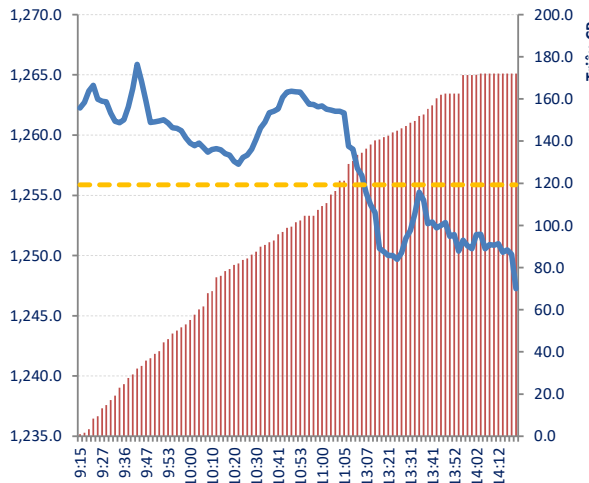
Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,23 USD/thùng tương ứng với 0,26% xuống 62,93 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều

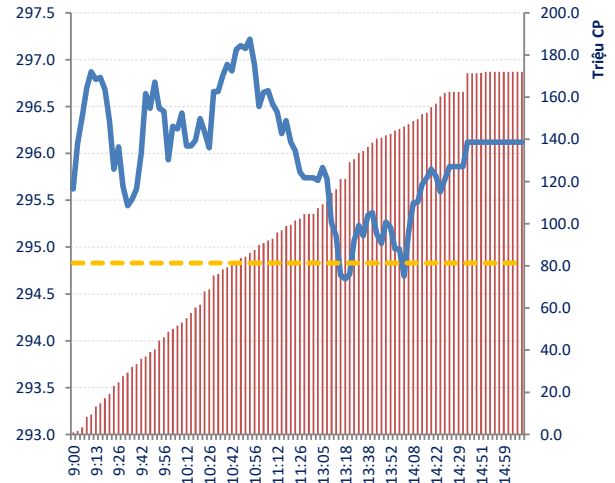
Kết thúc phiên giao dịch ngày 14/4, chỉ số Dow Jones tăng 53,62 điểm tương ứng 0,16% lên 33.730,89 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 138,26 điểm tương ứng 0,99% xuống 13.857,84 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 16,93 điểm tương ứng 0,41% xuống 4.124,66 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

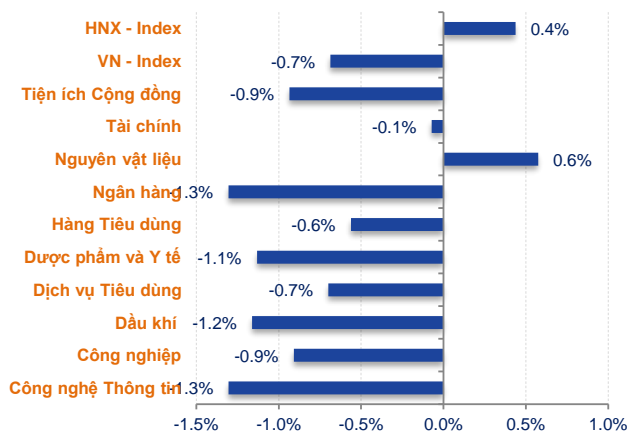
KLGD và VN-Index trong phiên



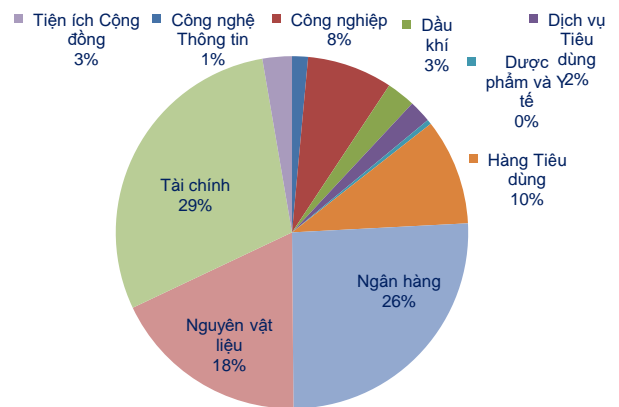
KLGD và HNX-Index trong phiên



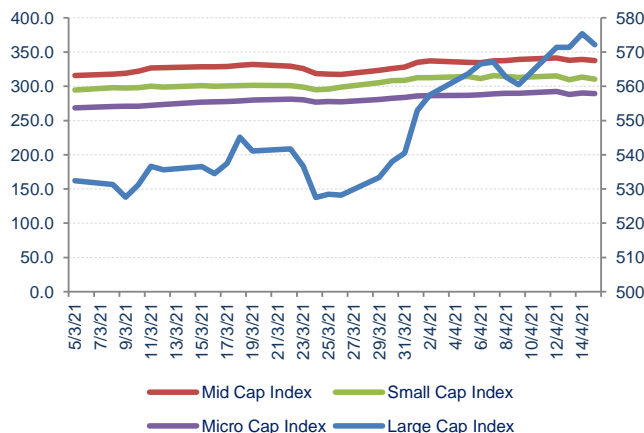
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



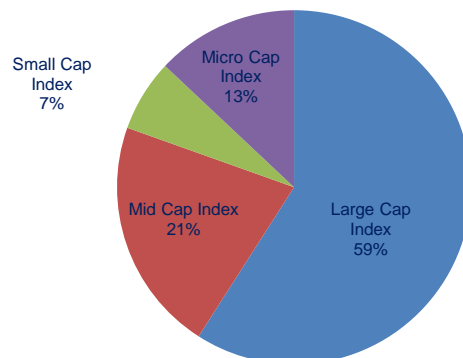
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	1,215,900	E1VFN30	5,172,800
2	NVL	1,094,600	VHM	2,910,300
3	VIC	554,200	CII	2,361,200
4	HSG	523,300	POW	2,324,600
5	FLC	442,000	KDH	2,025,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ART	63,400	SHS	330,600
2	DXP	54,200	ACM	142,700
3	THT	40,500	VND	78,100
4	AME	22,000	PVS	70,900
5	HUT	19,000	KLF	41,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
STB	22.90	22.35	↓ -2.40%	38,187,400
HPG	53.00	54.50	↑ 2.83%	32,078,100
FLC	12.40	13.25	↑ 6.85%	28,961,200
HNG	12.95	12.65	↓ -2.32%	26,125,800
ITA	8.88	9.10	↑ 2.48%	25,060,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	25.70	26.00	↑ 1.17%	30,796,548
SHS	31.80	30.70	↓ -3.46%	10,826,131
ART	11.40	11.80	↑ 3.51%	10,758,495
PVS	23.60	23.60	→ 0.00%	10,521,557
HUT	7.10	6.90	↓ -2.82%	7,963,527

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DLG	4.00	4.28	0.28	↑ 7.00%
SHA	7.29	7.80	0.51	↑ 7.00%
TGG	4.15	4.44	0.29	↑ 6.99%
SJF	4.58	4.90	0.32	↑ 6.99%
FUCVREIT	17.20	18.40	1.20	↑ 6.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DIH	22.00	24.20	2.20	↑ 10.00%
VNT	72.10	79.30	7.20	↑ 9.99%
VE4	32.10	35.30	3.20	↑ 9.97%
AME	12.20	13.40	1.20	↑ 9.84%
SAF	59.20	65.00	5.80	↑ 9.80%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAR	6.90	6.42	-0.48	↓ -6.96%
SAV	48.30	44.95	-3.35	↓ -6.94%
QBS	4.05	3.77	-0.28	↓ -6.91%
CLW	27.50	25.60	-1.90	↓ -6.91%
YEG	25.40	23.65	-1.75	↓ -6.89%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SEB	50.00	45.00	-5.00	↓ -10.00%
CAN	33.20	29.90	-3.30	↓ -9.94%
L40	39.00	35.20	-3.80	↓ -9.74%
TTL	11.30	10.20	-1.10	↓ -9.73%
LM7	7.30	6.60	-0.70	↓ -9.59%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	38,187,400	9.6%	1,487	15.4	1.4
HPG	32,078,100	3250.0%	4,060	13.1	3.0
FLC	28,961,200	1.3%	225	55.0	0.7
HNG	26,125,800	0.2%	19	686.5	1.7
ITA	25,060,900	1.6%	188	47.3	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	30,796,548	12.3%	1,552	16.6	1.9
SHS	10,826,131	25.5%	3,639	8.7	2.0
ART	10,758,495	0.1%	16	704.2	1.0
PVS	10,521,557	4.8%	1,306	18.1	0.9
HUT	7,963,527	-7.6%	(875)	-	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DLG	↑ 7.0%	-30.5%	(3,029)	-	0.5
SHA	↑ 7.0%	6.7%	791	9.2	0.6
TGG	↑ 7.0%	-16.5%	(1,593)	-	0.5
SJF	↑ 7.0%	-3.3%	(350)	-	0.4
UCVREI	↑ 7.0%	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DIH	↑ 10.0%	0.9%	145	152.1	1.4
VNT	↑ 10.0%	-4.8%	(808)	-	4.6
VE4	↑ 10.0%	1.8%	261	123.0	2.2
AME	↑ 9.8%	6.7%	836	14.6	0.9
SAF	↑ 9.8%	32.2%	4,650	12.7	3.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	1,215,900	N/A	N/A	N/A	N/A
NVL	1,094,600	13.9%	4,002	25.0	2.9
VIC	554,200	4.3%	1,586	88.3	3.5
HSG	523,300	24.3%	3,473	8.6	1.9
FLC	442,000	1.3%	225	55.0	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ART	63,400	0.1%	16	704.2	1.0
DXP	54,200	13.1%	2,191	8.0	1.0
THT	40,500	10.2%	1,483	6.1	0.6
AME	22,000	6.7%	836	14.6	0.9
HUT	19,000	-7.6%	(875)	-	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	473,540	4.3%	1,586	88.3	3.5
VCB	366,066	21.1%	4,975	19.8	3.9
VHM	330,596	35.6%	8,315	12.1	3.7
VNM	207,533	35.0%	5,313	18.7	6.2
BID	176,969	8.9%	1,740	25.3	2.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	68,600	61.8%	7,408	26.5	12.9
SHB	44,988	12.3%	1,552	16.6	1.9
BAB	20,263	7.3%	830	34.5	2.4
VCS	15,152	39.1%	9,055	10.5	3.9
IDC	11,370	7.1%	1,015	37.3	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
EVG	3.07	2.6%	271	49.5	1.2
BSI	2.30	8.9%	1,047	14.9	1.3
HAH	2.25	10.7%	2,695	9.1	0.9
TDC	2.22	15.4%	1,948	10.7	1.6
CTS	2.22	9.3%	1,205	14.4	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	2.70	0.0%	5	1,489.8	0.6
VIG	2.51	-2.0%	(113)	-	1.4
THD	2.33	61.8%	7,408	26.5	12.9
BVS	2.21	7.2%	1,839	13.2	0.9
WSS	2.14	2.0%	206	46.0	0.9



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
